

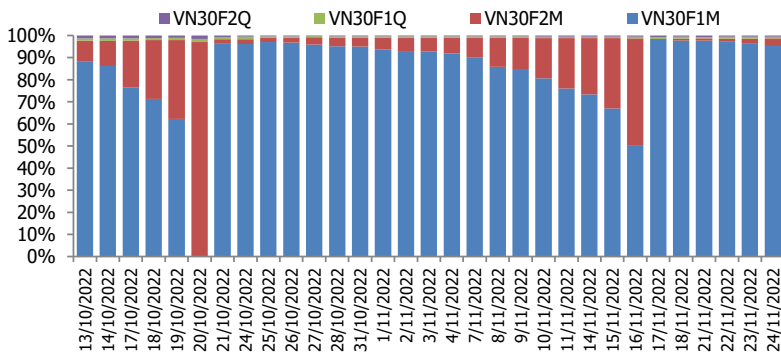
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2212	15/12/2022	21	938.90	45,056
VN30F2301	19/1/2023	56	934.00	1,627
VN30F2303	16/3/2023	112	930.00	347
VN30F2306	15/6/2023	203	928.10	248

TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Thị trường phái sinh hồi phục tích cực với ưu thế nghiêng về bên mua trong phần lớn thời gian phiên giao dịch hôm nay. Đóng cửa, cả 4 HĐTL tăng từ 14,1 đến 14,8 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 2,03 điểm. Basis của các HĐTL tiếp tục ghi nhận mức âm từ -12,66 đến -1,86 điểm, tuy nhiên đã cải thiện so với mức basis trong 3 phiên gần nhất, cho thấy tâm lý tích cực hơn của nhà đầu tư trước những diễn biến khả quan của chỉ số cơ sở.
- Thị trường cơ sở quay trở lại với sắc xanh sau 3 phiên giảm điểm liên tiếp. Phiên này, ngoài nhóm ngân hàng, nhóm cổ phiếu thép cũng phục hồi trở lại, bên cạnh đó là nhóm cổ phiếu đầu cơ. Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HOSE hôm nay tăng nhẹ lên mức 6.961 tỷ đồng so với mức 6.938 tỷ đồng trong phiên liền trước. Thanh khoản thị trường xuống mức thấp ở phiên thứ 2 liên tiếp cho thấy thị trường có thể đã tìm được vùng cân bằng ở khu vực 950 điểm, lực cầu thông thả mua trong khi người bán cũng không muốn hạ giá thêm.
- Thanh khoản thị trường chứng khoán phái sinh giảm trong khi dòng tiền có sự dịch chuyển sang tìm kiếm cơ hội trên thị trường cơ sở. Do đó, biên độ dao động của thị trường phái sinh nhiều khả năng sẽ co hẹp lại. Do vậy, nhà đầu tư tiếp tục cân nhắc mua thấp, bán cao trong biên độ ở phiên giao dịch mới.

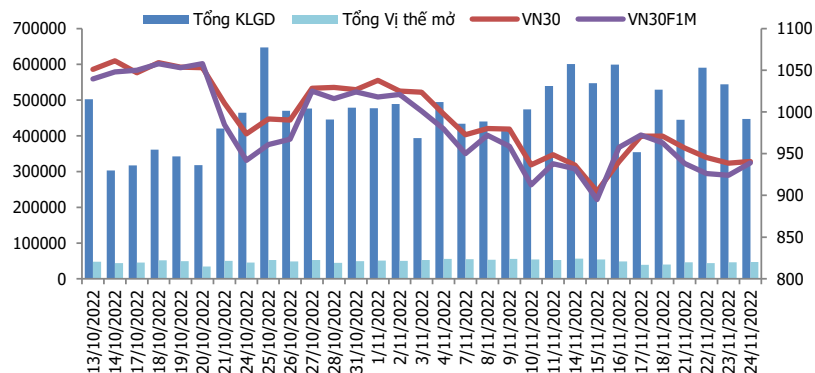
CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

Nhà đầu tư có thể xem xét rải lệnh Mua quanh khu vực 934-938 điểm trong các pha điều chỉnh. Điểm quản trị rủi ro là mốc hỗ trợ 929 điểm, hướng đến mức giá mục tiêu 953-957 điểm. Chiến lược Short sẽ được kích hoạt tại các nhịp hồi phục với vùng kháng cự gần 955-957 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Hoạt động nắm giữ vị thế qua đêm tạm thời chưa được khuyến khích.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2212	938.9	23.00	445,360	-17.7	45,056	
VN30F2301	934.0	6.00	1,575	-15.6	1,627	
VN30F2303	930.0	9.00	101	-88.3	347	
VN30F2306	928.1	2.00	156	-12.8	248	
Tổng			447,192	-17.8	47,278	

DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Thị trường phái sinh hồi phục tích cực với ưu thế nghiêng về bên mua trong phần lớn thời gian phiên giao dịch hôm nay.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 17,83% so với phiên liền trước, đạt 447.192 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 12 với 445.360 hợp đồng. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 12 với 2.208 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 19.238 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2212 là 941,46 điểm (cao hơn 2,56 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho VN30F2301 là 942,63 điểm (+8,63 điểm), VN30F2303 là 944,5 điểm (+14,5 điểm) và VN30F2306 là 947,54 điểm (+19,44 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

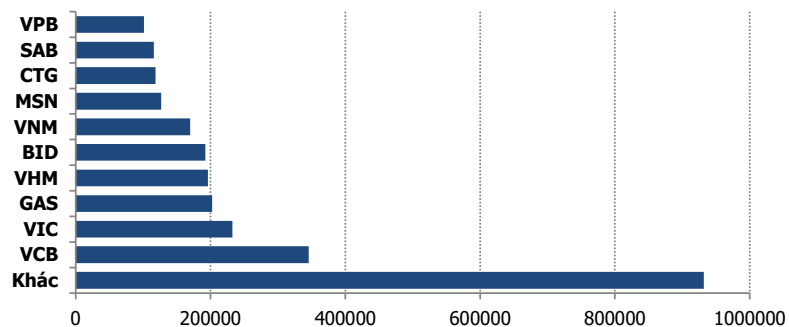
Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	BUY	BUY	SELL
Hỗ trợ	934-938	920-931	876-914
Kháng cự	953-957	953-963	1033-1041

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

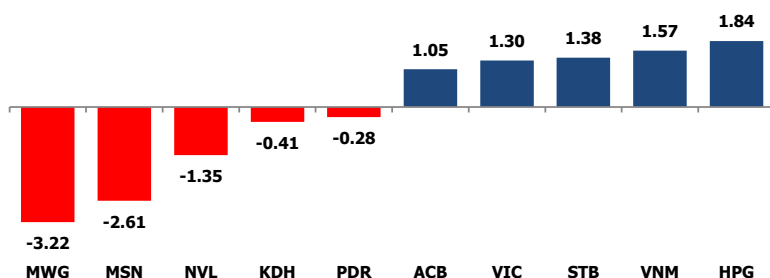


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	947.71	940.76
Thay đổi	1.71	2.03
%Chg	0.18	0.22
YTD	-36.75	-38.74
Vốn hóa (ngh.tỷ đ)	3,783.02	2,732.60
P/E	9.92	8.07
P/B	1.52	1.49

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX

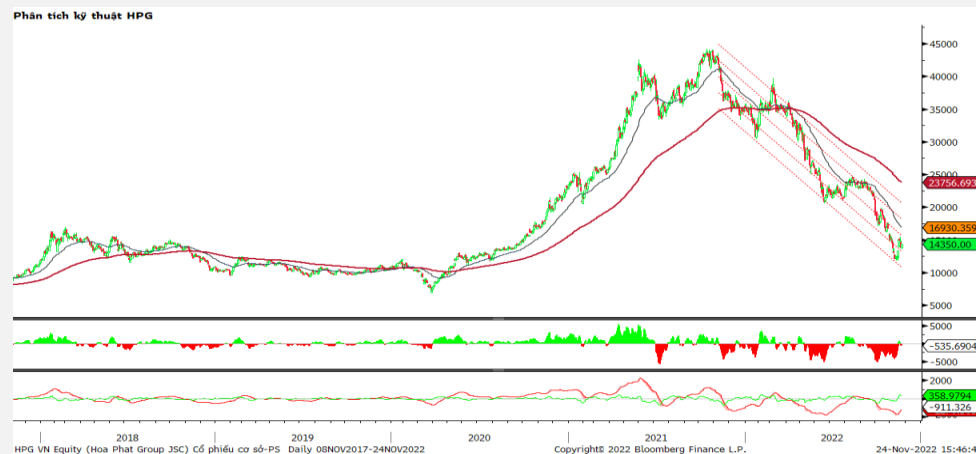


NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính hồi phục tích cực. Số mã tăng điểm (18) áp đảo hoàn toàn so với số mã giảm điểm (9) và 3 mã đứng tham chiếu. HPG và VNM trở thành hai trụ đỡ đóng góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +1,84 điểm và +1,57 điểm.
- Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 2,03 điểm (+0,22%) lên 940,76 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 159,67 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 3.668 tỷ đồng.
- Khối ngoại mua ròng phiên thứ 14 liên tiếp với 327,02 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như VNM (+72 tỷ đồng), BID (+28 tỷ đồng), GMD (+26 tỷ đồng), NLG (+24 tỷ đồng), HPG (+16 tỷ đồng).

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 HPG, VNM và STB là những nhân tố chính đưa chỉ số VN30 quay lại đà tăng điểm. Trong đó, HPG đóng góp +1,84 điểm tới chỉ số VN30.



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIndex	947.71	0.18	9.92	(36.75)
Dow Jones	34,194.06	0.28	19.68	(5.90)
S&P500	4,027.26	0.59	19.48	(15.50)
Nikkei 225	28,317.83	(0.23)	19.16	(1.65)
Shanghai	3,089.31	(0.25)	13.84	(15.12)
DAX	14,539.56	0.78	13.26	(8.47)
Vàng	1,753.72	(0.09)		(4.13)
ĐẦU WTI	78.34	0.51		4.16

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 21/11/2022			
Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản của PBoC	3.65%	3.65%	3.65%
Thứ Ba - 22/11/2022			
Canada - Doanh số bán lẻ lõi (tháng/tháng) (T9)	0.5%	-0.6%	-0.7%
Thứ Tư - 23/11/2022			
Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 11)	45.1	45.0	46.7
Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp	48.2	47.2	48.3
Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất	46.2	45.7	46.2
Anh - Chỉ số PMI dịch vụ	48.8	48.0	48.8
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	223K	225K	240K
Mỹ - Dự trữ dầu thô	-5.400M	-1.055M	-3.691M
Thứ Năm - 24/11/2022			
Đức - Chỉ số môi trường kinh doanh Ifo (T11)	84.5	85.0	86.3
Thứ Sáu - 25/11/2022			
Đức - GDP (quý/quý) (Quý 3)	0.3%	0.3%	

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Các ngân hàng quốc doanh lớn của Trung Quốc sẽ cung cấp dòng tín dụng mới trị giá ít nhất 925 tỷ nhân dân tệ (129 tỷ USD) cho doanh nghiệp bất động sản. Đây là một phần nỗ lực của chính phủ Trung Quốc nhằm giải quyết phần nào khủng hoảng bất động sản tồi tệ của nước này.
- Giá dầu Brent kết thúc phiên giảm 29 cent (-0,3%) xuống 85,12 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas Mỹ (WTI) tăng 2 US cent lên 77,96 USD.
- Giá vàng giao ngay tăng 0,3% lên 1.754,13 USD/ounce, trong khi giá vàng kỳ hạn tháng 12 tăng 0,5% lên 1.754,30 USD.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
VNM	Food Products	7.55	81,200	2.27	2.92%	231.335	1.57	21.49	5.45
VPB	Banks	7.33	15,100	0.33	4.81%	152.583	0.23	5.04	1.07
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	7.31	70,500	0.00	2.31%	55.489	0.00	14.68	3.89
ACB	Banks	6.70	21,000	1.69	3.92%	48.273	1.05	5.35	1.27
VIC	Real Estate Management & Development	6.47	61,000	2.18	3.50%	69.629	1.30	213.19	2.05
MSN	Food Products	6.34	89,000	-4.20	3.98%	93.193	-2.61	13.20	4.94
TCB	Banks	5.62	22,150	0.68	3.26%	75.833	0.36	3.67	0.72
VHM	Real Estate Management & Development	5.45	45,000	1.35	2.94%	53.094	0.68	6.23	1.44
HPG	Metals & Mining	5.10	14,350	3.99	5.88%	435.971	1.84	5.39	0.85
MWG	Specialty Retail	4.60	37,700	-6.91	3.98%	297.248	-3.22	10.76	2.37
MBB	Banks	4.35	15,700	0.00	2.92%	98.95	0.00	4.05	0.98
VCB	Banks	4.23	73,000	-0.68	2.07%	79.034	-0.27	13.07	2.69
STB	Banks	3.82	18,200	4.00	7.69%	321.313	1.38	8.27	0.93
VJC	Airlines	3.05	101,200	0.80	2.22%	30.526	0.23	886.37	3.13
HDB	Banks	2.90	14,800	1.02	3.47%	13.357	0.28	4.93	1.06
VRE	Real Estate Management & Development	2.74	27,100	3.63	5.96%	32.354	0.90	29.81	1.89
VIB	#N/A	2.30	17,850	-0.28	2.57%	38.89	#N/A	4.48	1.23
CTG	Banks	1.97	24,600	0.82	3.36%	100.114	0.15	7.60	1.12
TPB	Banks	1.94	20,000	0.00	5.47%	95.809	0.00	5.22	1.03
NVL	Real Estate Management & Development	1.90	21,950	-6.99	0.00%	71.91	-1.35	14.99	1.15
SSI	Capital Markets	1.85	16,000	1.27	4.92%	253.051	0.22	7.10	1.08
SAB	Food Products	1.42	180,500	-0.82	1.67%	27.666	-0.11	21.42	4.75
GAS	Gas Utilities	1.13	105,800	-2.22	3.81%	50.575	-0.24	15.18	3.58
KDH	Real Estate Management & Development	1.09	21,000	-3.89	8.60%	80.811	-0.41	11.76	1.32
BID	Banks	0.86	38,000	1.60	4.35%	67.257	0.13	11.87	2.00
POW	Independent Power and Renewable Electricity Producers	0.55	10,600	1.44	2.91%	51.43	0.07	21.26	0.84
PDR	Capital Markets	0.41	13,850	-6.73	0.00%	4.774	-0.28	4.28	1.10
BVH	Beverages	0.40	48,700	0.10	1.14%	24.46	0.00	20.64	1.62
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.39	27,500	3.19	3.75%	35.817	0.11	37.28	1.50
GVR	Real Estate Management & Development	0.23	13,000	3.59	6.07%	27.307	0.08	12.24	1.03

STT	Thông tin cơ bản HDTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	GD Khớp lệnh định kỳ	- ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45
	GD khớp lệnh liên tục	- Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30
	GD Thỏa thuận	- 08h45 - 14h45
8	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HDTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

KHÔI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
----------------	--------------------------	--

Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
----------------	------------------------	--

Đình Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	long.dinhviet@mbs.com.vn
----------------	------------------------	--